

NỘI DUNG ÔN TẬP TUẦN 7,8.

Bài 29. Đặc điểm các khu vực địa hình

Câu 1: Quan sát lược đồ trang 31,32 tập bản đồ địa lí 8 cho biết địa hình nước ta chia làm mấy khu vực? đó là những khu vực nào?

Câu 2: Quan sát lược đồ địa lí tự nhiên Việt Nam (tập bản đồ địa lí trang 31,32) kể tên hai đồng bằng lớn ở nước ta và nói rõ hai đồng bằng được bồi đắp bởi những hệ thống sông nào?

Bài 30. Thực hành - ĐỌC BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH VIỆT NAM

Câu 1: Quan sát lược đồ trang 31,32 tập bản đồ địa lí 8 em hãy kể tên các đỉnh núi trên 2000m. Các đỉnh núi này chủ yếu phân bố ở đâu?

Câu 2: Tính độ dài từ Hà Nội vào TP HCM theo tỉ lệ trong tập bản đồ địa lí 8?

Bài 31: Đặc điểm khí hậu Việt Nam

Câu 1: Nước ta có mấy miền khí hậu?

Câu 2: Vì sao khí hậu nước ta đa dạng và thất thường?

Bài 32: Các mùa khí hậu và thời tiết ở nước ta

Câu 1: Theo em mùa thu và mùa xuân thể hiện rõ nét nhất ở miền nào nước ta?

Câu 2: Em hãy nêu những thuận lợi và khó khăn của khí hậu và thời tiết nước ta?

NỘI DUNG BÀI GHI

1. TUẦN 9

BÀI 33. ĐẶC ĐIỂM SÔNG NGÒI VIỆT NAM

1. Đặc điểm chung

- a. Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp trên cả nước.
 - Nước ta có 2360 sông dài > 10km.
 - 93% các sông nhỏ và ngắn.
 - Các sông lớn: sông Hồng, sông Mê Công...
- b. Sông ngòi nước ta chảy theo hai hướng chính là Tây Bắc – Đông Nam và hướng vòng cung.
- c. Sông ngòi nước ta có hai mùa nước: mùa lũ và mùa cạn khác nhau rõ rệt.
 - Mùa lũ nước sông dâng cao và chảy mạnh.
 - Lượng nước chiếm 70 – 80% lượng nước cả năm.
- d. Sông ngòi nước ta có hàm lượng phù sa lớn

- Sông ngòi vận chuyển tới 839 tỉ m³ nước hàng trăm triệu tấn phù sa.
- Hàm lượng phù sa lớn, 200 triệu tấn/năm.

2. Khai thác kinh tế và bảo vệ sự trong sạch của các dòng sông

a. Giá trị của sông ngòi.

- Thủy điện: Thủy điện Hoà Bình, Trị An, Yaly...
- Thủy lợi: Cung cấp nước tưới tiêu cho việc sản xuất của nhân dân.
- Bồi đắp lên đồng bằng màu mỡ để trồng cây lương thực
- Thủy sản.
- Giao thông, du lịch....

b. Sông ngòi nước ta đang bị ô nhiễm

- Rừng cây bị chặt phá nhiều, nước mưa và bùn cát dồn xuống dòng sông, gây ra những trận lũ đột ngột và dữ dội.
- Nước thải công nghiệp, sinh hoạt, các chất độc hại cũng làm cho nguồn nước ô nhiễm.

BÀI 34: CÁC HỆ THỐNG SÔNG LỚN Ở NƯỚC TA

- Gồm 9 hệ thống sông lớn.
- Còn lại là các hệ thống sông nhỏ và rời rạc nằm dọc ven biển Quảng Ninh và Trung Bộ nước ta.

1. Sông ngòi Bắc Bộ

a. Đặc điểm

- Sông có dạng hình nan quạt.
- Chế độ nước thất thường.
- Lũ kéo dài 5 tháng (tháng 6 – tháng 10), cao nhất tháng 8.
- Lũ lên nhanh, kéo dài.

b. Hệ thống sông chính: sông Hồng, sông Thái Bình, Bằng Giang, Kì Cùng, sông Mã.

2. Sông ngòi Trung Bộ

a. Đặc điểm

- Ngắn dốc
- Lũ lên nhanh và đột ngột.
- Lũ tập trung cao vào tháng 9 đến tháng 12

b. Hệ thống sông chính: sông Cả, sông Thu Bồn, sông Đà Rằng.

3. Sông ngòi Nam Bộ

a. Đặc điểm

- Lượng nước lớn, lòng sông rộng và sâu, ảnh hưởng thủy triều mạnh.
- Chế độ nước điều hoà hơn.
- Lũ từ tháng 7-11.

b. Hệ thống sông chính: sông Đồng Nai, sông Cửu Long

2. TUẦN 10

BÀI 35: THỰC HÀNH VỀ KHÍ HẬU THỦY VĂN VIỆT NAM

Căn cứ vào bảng 35.1 (trang 124 SGK 8) lượng mưa và dòng chảy tại các lưu vực sông sau đây, hãy:

a) Vẽ biểu đồ thể hiện chế độ mưa và chế độ dòng chảy trên từng lưu vực (mỗi lưu vực một biểu đồ)

Các em lưu ý: vẽ biểu đồ cột kết hợp biểu đồ đường (lượng mưa thể hiện bằng cột, lưu lượng thể hiện bằng đường).

b) Tính thời gian và độ dài (số tháng) của mùa mưa và mùa lũ tại các lưu vực theo chỉ tiêu vượt giá trị trung bình tháng.

* Lưu vực sông Hồng:

– Mùa mưa lưu vực sông Hồng từ tháng 5-10, lượng mưa trung bình 263 mm. (trung bình tháng 153 mm).

– Mùa lũ từ tháng 6-10, lưu lượng nước trung bình 6 547 m³/s (trung bình tháng 3632 m³/s).

* Lưu vực sông Gianh:

– Mùa mưa lưu vực sông Gianh từ tháng 6 -11, lượng mưa trung bình 309,7 mm (trung bình tháng 186 mm)

– Mùa lũ từ tháng 8-11, lưu lượng trung bình 128,9 m³/s (trung bình tháng là 61,7 m³/s).

c) Nhận xét về mối quan hệ giữa mùa mưa và mùa lũ trên từng lưu vực nói riêng và trên toàn quốc nói chung.

* Lưu vực sông Hồng: Mùa mưa trùng với mùa lũ, lũ lớn nhất vào tháng 8 và là tháng có lượng mưa lớn nhất.

* Lưu vực sông Gianh: mùa mưa từ tháng 6-11 nhưng mùa lũ từ tháng 8-11. Mưa lớn nhất vào tháng 10 nhưng lũ lại lớn nhất vào tháng 9. Vậy tháng 6 và 7 có mưa nhưng chưa có lũ.

BÀI 36: ĐẶC ĐIỂM ĐẤT VIỆT NAM

1. Đặc điểm chung của đất Việt Nam

a. Đất ở nước ta rất đa dạng, thể hiện rõ tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm của thiên nhiên Việt Nam

b. Nước ta có ba nhóm đất chính:

* **Nhóm đất feralit vùng núi thấp:**

– Hình thành trực tiếp trên các miền đồi núi thấp chiếm 65% diện tích tự nhiên.

– Tính chất: chua, nghèo mùn, nhiều sét.

- Màu đỏ vàng, nhiều hợp chất Fe, Al.
- Phân bố: đất feralit trên đá badan ở Tây Nguyên. Đông Nam Bộ; đất feralit trên đá vôi ở Đông Bắc, Tây Bắc, Bắc Trung Bộ...).
- Thích hợp trồng cây công nghiệp

*** Nhóm đất mùn núi cao:**

- Hình thành dưới thảm rừng nhiệt đới hoặc ôn đới vùng núi cao, 11%
- Phân bố: chủ yếu là đất rừng đầu nguồn. Dưới thảm rừng á nhiệt đới hoặc ôn đới vùng núi cao
- Thích hợp trồng cây phòng hộ đầu nguồn.

*** Nhóm đất phù sa sông và biển:**

- Chiếm 24% diện tích đất tự nhiên.
- Tính chất: phì nhiêu, dễ canh tác và làm thủy lợi, ít chua, tơi xốp, giàu mùn.
- Tập trung tại các vùng đồng bằng: đất trong đê, đất ngoài đê khu vực sông Hồng: đất phù sa cổ miền Đông Nam Bộ; đất phù sa ngọt dọc sông Tiền, sông Hậu; đất chua, mặn, phèn ở các vùng trũng Tây Nam Bộ..
- Thích hợp sử dụng trong nông nghiệp để trồng lúa, hoa màu, cây công nghiệp hàng năm, cây ăn quả,...

2. Vấn đề sử dụng và cải tạo đất ở Việt Nam

- Đất là tài nguyên quý giá.
- Phải sử dụng đất hợp lý. Nhà nước ban hành Luật đất đai để bảo vệ và sử dụng đất tốt hơn.
- + Miền đồi núi: chống sạt lở, rửa trôi, bạc màu.
- + Miền đồng bằng ven biển. Cải tạo các loại đất mùn, đất phèn.

3. TUẦN 11

BÀI 37. ĐẶC ĐIỂM SINH VẬT VIỆT NAM

1. Đặc điểm chung

- Sinh vật rất phong phú và đa dạng.
- + Đa dạng về thành phần loài và gen.
- + Đa dạng về kiểu hệ sinh thái.
- + Đa dạng về công dụng và sản phẩm.

2. Sự giàu có về thành phần loài sinh vật

- Nước ta có gần 30.000 loài sinh vật, sinh vật bản địa chiếm khoảng 50%
- + Thực vật: 14.600 loài.
- + Động vật: 11.200 loài.
- Số loài quý hiếm.
- + Thực vật: 350 loài
- + Động vật: 365 loài.

3. Sự đa dạng về hệ sinh thái

Các hệ sinh thái tiêu biểu.

- Hệ sinh thái ngập nước, đặc biệt là rừng ngập mặn.
- Hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa gồm rừng kín thường xanh, rừng thưa rụng lá rừng tre nứa, rừng ôn đới núi cao.
- Các hệ sinh thái nông nghiệp ngày càng mở rộng và lấn át các hệ sinh thái tự nhiên.
- Hệ sinh thái nông nghiệp do con người tạo ra và duy trì để lấy lương thực thực phẩm và các sản phẩm cần thiết cho đời sống.

BÀI 38. BẢO VỆ TÀI NGUYÊN SINH VẬT VIỆT NAM

1. Giá trị của tài nguyên sinh vật

a. Kinh tế

- Cung cấp đồ gỗ xây dựng, làm đồ dùng
- Thực phẩm, lương thực
- Thuốc chữa bệnh
- Bồi dưỡng sức khỏe
- Cung cấp nguyên liệu sản xuất thủ công nghiệp

b. Văn hoá, du lịch

- Sinh vật cảnh
- Tham quan, du lịch
- An dưỡng, chữa bệnh
- Nghiên cứu khoa học

c. Môi trường sinh thái

- Điều hoà khí hậu, tăng ôxy, làm sạch không khí
- Giảm ô nhiễm môi trường
- Giảm nhẹ thiên tai, hạn hán
- Ổn định độ phì của đất

Bảng 38.1 một số tài nguyên thực vật Việt Nam (HS đọc bảng)

2. Bảo vệ tài nguyên rừng

- Tài nguyên rừng nước ta đang bị suy giảm theo thời gian, diện tích và chất lượng
- Tỷ lệ che phủ của rừng thấp : 33- 35% diện tích tự nhiên
- Biện pháp bảo vệ rừng :
 - + Trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc, tu bổ tái tạo rừng.
 - + Sử dụng hợp lý rừng đang khai thác
 - + Bảo vệ rừng đầu nguồn.

3. Bảo vệ tài nguyên động vật

- Không phá rừng, bắn giết động vật quý hiếm, bảo vệ tốt rừng
- Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia để bảo vệ động vật, nguồn gen động vật.

4. TUẦN 12

BÀI 39. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TỰ NHIÊN VIỆT NAM

1. Việt Nam là nước nhiệt đới gió mùa ẩm

- Là tính chất nền tảng của thiên nhiên Việt Nam.
- Thể hiện trong các thành phần của cảnh quan tự nhiên, rõ nét nhất là môi trường khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều.

2. Việt Nam là một nước ven biển

- Ảnh hưởng của biển rất mạnh mẽ, sâu sắc. Duy trì và tăng cường tính chất nóng ẩm, gió mùa của thiên nhiên Việt Nam.

3. Việt Nam là xứ sở của cảnh quan đồi núi

- Nước ta có 3/4 diện tích là đồi núi .
- Địa hình đa dạng tạo nên sự phân hoá của các điều kiện tự nhiên.
- Vùng núi nước ta chứa nhiều tài nguyên (khoáng sản, lâm sản, thủy văn...)

4. Thiên nhiên nước ta có sự phân hoá đa dạng, phức tạp

- Thiên nhiên có sự phân hoá từ : Đông sang Tây, thấp đến cao, Bắc xuống Nam
- => Tạo điều kiện thuận lợi và khó khăn cho phát triển kinh tế, xã hội.

BÀI 40 : THỰC HÀNH ĐỌC LÁT CẮT ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN TỔNG HỢP

Đọc lát cắt tổng hợp địa lí tự nhiên từ Phan-xi-păng tới thành phố Thanh Hóa (theo tuyến cắt A – B trên sơ đồ)

a) Xác định tuyến cắt A – B trên lược đồ:

+ *Tuyến cắt chạy theo hướng nào? Qua những khu vực địa hình nào?*

Hướng Tây Bắc – Đông Nam.

Qua dãy Hoàng Liên Sơn, cao nguyên Mộc Châu, đồng bằng Thanh Hoá

+ *Hãy tính độ dài của tuyến cắt A-B theo tỉ lệ ngang của lát cắt?*

(tỉ lệ ngang của lát cắt 1:2 000 000).

Độ dài lát cắt khoảng 360km (khoảng cách A – B đo được khoảng 18 cm: $18 \times 20 \text{ km} = 360 \text{ km}$)

b) Dựa trên kí hiệu và bảng chú giải của từng hợp phần tự nhiên, cho biết trên lát cắt (từ A đến B và từ dưới lên trên):

+ *Có những loại đá, đất nào? Chúng phân bố ở đâu?*

-*Khu núi cao Hoàng Liên Sơn có:* Đá mác ma xâm nhập và đá mác ma phun trào. Đất mùn núi cao

-*Khu cao nguyên Mộc Châu có:* Trầm tích đá vôi. Đất feralít trên đá vôi.

-*Khu đồng bằng Thanh Hoá có:* Trầm tích phù sa. Đất phù sa trẻ.

+ *Có mấy kiểu rừng? Chúng phát triển trong điều kiện tự nhiên như thế nào?*

-*Khu núi cao Hoàng Liên Sơn có:* Rừng ôn đới, phát triển trong điều kiện khí hậu lạnh quanh năm và mưa nhiều.

– *Khu cao nguyên Mộc Châu có:* Rừng cận nhiệt và rừng nhiệt đới, phát triển trong

điều kiện khí hậu cận nhiệt vùng núi, lượng mưa và nhiệt độ thấp.

– *Khu đồng bằng Thanh Hoá có:* Rừng nhiệt đới thay thế bằng hệ sinh thái nông nghiệp, phát triển trong điều kiện khí hậu nhiệt đới.

c) Căn cứ vào biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa đã vẽ trên lát cắt của 3 trạm khí tượng Hoàng Liên Sơn, Mộc Châu và Thanh Hóa, trình bày sự khác biệt khí hậu trong khu vực (*tham khảo bảng 40.1 trang 138 SGK 8*).

Đặc điểm chung của khí hậu là nhiệt đới gió mùa, mưa nhiều vào thời kì gió mùa mùa hạ. Tuy nhiên do yếu tố vị trí, địa hình nên có sự khác biệt:

-*Khu vực Thanh Hoá:* là vùng đồng bằng gần biển; nhiệt độ trung bình cao >23°C, lượng mưa tương đối khoảng 1700 – 1900 mm/năm.

-*Khu vực Mộc Châu:* là vùng cao nguyên nằm bên trong đồng bằng; nhiệt độ trung bình thấp hơn từ 17°C – 25°C, lượng mưa vừa phải \approx 1600mm/năm.

-*Khu vực Hoàng Liên Sơn:* là vùng núi cao chắn gió mùa mùa hạ từ biển vào nên có mưa nhiều nhất so với hai khu vực trên với lượng mưa trung bình từ 3500 – 3600 mm/năm; nhiệt độ trung bình thấp nhất từ 8°C – 18°C.

Tổng hợp điều kiện địa lí tự nhiên theo ba khu vực sau và báo cáo trước lớp:

+Khu núi cao Hoàng Liên Sơn

+Khu cao nguyên Mộc Châu

+Khu đồng bằng Thanh Hóa